

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 35/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị T.

Địa chỉ: Tổ x, phường N, thành phố H, tỉnh H.

- Anh Nguyễn Ngọc T.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh H.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Các thoả thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và Nguyễn Ngọc T tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và Nguyễn Ngọc T thống nhất thỏa thuận giao hai cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 08/3/2016 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 04/12/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4/2022 đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Phương thức anh T chuyển tiền hàng tháng cho chị T là người nhận trực tiếp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không bị ai cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản thuận tình ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 08/3/2016 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 04/12/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4/2022 đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Phương thức anh T chuyển tiền hàng tháng cho chị T là người nhận trực tiếp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không bị ai cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Nguyễn Ngọc T đã nộp theo biên lai số 0000692 ngày 30/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (đã thi hành xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPHG;
- CCTHA dân sự TPHG;
- TAND tỉnh HG;
- UBND xã Hùng An, H-Bắc Quang, T-Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nông Thế Chiến